



Phụ lục IV

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN ĐỊNH QUÁN THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2314 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt tại QĐ 1091/QĐ-UBND	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+); Giảm (-)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
						Gia Canh	La Ngà	Ngọc Định	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Ngọc	Phú Tân	Phú Túc	Phú Vinh	Suối Nho	Thanh Sơn	Túc Trưng	TT.Định Quán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+(8)+...+(20)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	201,79	227,11	25,32	16,44	19,33	4,00	20,75	5,00	5,87	30,85	2,38	8,89	1,83	33,21	73,46	1,19	3,92
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	13,52	14,91	1,39	-	-	0,12	-	0,76	0,02	0,21	-	-	0,06	11,91	1,83	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	27,33	31,97	4,64	3,93	0,75	0,75	0,65	1,85	1,18	5,99	1,05	1,43	0,55	6,85	5,15	0,58	1,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	117,44	126,75	9,31	12,07	18,56	3,13	20,01	2,36	4,67	24,45	1,33	7,45	1,22	13,39	14,84	0,61	2,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	3,36	12,86	9,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,86	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	38,66	39,14	0,48	0,38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	38,76	-	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,43	1,43	-	0,06	0,02	-	0,09	0,03	-	0,15	-	-	-	1,06	0,02	-	-
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,05	0,05	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		16,17	16,17	-	3,30	0,98	2,65	0,77	3,84	0,36	0,33	0,91	-	3,03	-	-	-	-
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	16,15	16,15	-	3,30	0,98	2,65	0,77	3,84	0,36	0,30	0,91	-	3,03	-	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	0,02	0,02	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	17,62	17,62	-	-	-	-	4,61	-	-	-	-	-	13,00	-	-	-	-